

Bản án số: 27/2022/DSPT

Ngày: 17/02/2022

V/v tranh chấp “quyền cấp thoát
nước qua bất động sản liền kề”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán:

Bà Võ Bích Hải

Bà Trần Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2021/TLPT- DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “quyền cấp thoát nước qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS – ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P bị nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Các nguyên đơn;

1.1 Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1940

1.2 Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1951

Người đại diện ủy quyền cho bà O là ông **Võ Văn H1**.

Giấy ủy quyền ngày 23/10/2020.

1.3. Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm: 1941

Người đại diện ủy quyền cho ông H2 là ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1980.

Giấy ủy quyền ngày 23/10/2020.

1.4 Ông **Nguyễn Thế Tr**, sinh năm: 1975

1.5 Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hùng Đ.

2. Bị đơn: bà **Đặng Phương C**, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo khởi kiện ngày 18/9/2020 của ông Tr, bà O, ông B, ông T và Đơn ngày 22/10/2020 của bà Đ và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn trình bày: Ông T, ông H2, bà O, ông Tr, bà Đ yêu cầu bà Đặng Phương C khai thông đường nước công cộng có diện tích 109.3m² (ngang 2.4m dài 48.37m và 46.55m). Đây là đường nước công cộng đã có từ trước năm 1975 và Ủy ban xã G xác nhận là đường nước công cộng nên không thuộc quyền sử dụng đất của bà C.

Cụ thể đường nước có chiều ngang khoảng 2,4m dài khoảng 50m đã có từ trước năm 1975 (trước khi bà C về cất nhà ở), nhiều hộ sử dụng đường nước trên để lấy nước sinh hoạt và canh tác nông nghiệp. Đường nước này từ trước đến nay các hộ vẫn sử dụng ổn định, tuy nhiên vào khoảng tháng 07/2020 bà C tự ý lấp mương nước trên, chặn dòng chảy dẫn đến nước sinh hoạt ùn ứ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh ruồi, muỗi và không có nước để canh tác nông nghiệp, ảnh hưởng đến rất nhiều hộ dân.

Về bản trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ thì các nguyên đơn thống nhất sử dụng kết quả trên để xét xử.

** Ý kiến bị đơn Đặng Phương C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:*

Bà C cũng thừa nhận đường nước đã có từ trước năm 1975, tuy nhiên đường nước trên không phải là đường nước công cộng của nhà nước mà là sở hữu của bà C $\frac{1}{2}$ nương, bà C có đất nằm ở phía ngoài không giáp với đất của các nguyên đơn. Ông H2, ông T, ông Tr, bà O và bà Đ có đất phía trong cách con lộ nông thôn cũng không giáp đất của bà C. Từ trước đến nay các hộ dân ở phía trên chỉ đi nhờ đường nước này để lấy nước sinh hoạt, tưới tiêu. Cách đây khoảng 05 năm thì bà C có mua lại đường đi của ông Hai A, bà Dung và bà C đã được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất đã nhận chuyển nhượng. Thời gian gần đây do dự định cất nhà ở nên bà C có lấp $\frac{1}{2}$ nương để cất nhà. Nay các nguyên đơn có yêu cầu khai thông đường nước công cộng có diện tích 109,3m² thì bà C không đồng ý.

Bà C không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn bởi các lý do sau: Đường dẫn nước trên không phải đường dẫn nước công cộng như các nguyên đơn trình bày; Bà Đ kinh doanh nhà trọ nhưng để nước thải sinh hoạt xả trực tiếp xuống sông, gây ô nhiễm môi trường bốc mùi hôi mà nhà bà C lại kề bên đường nước này. Bà C có bơm cát lấp nương vì nương trên thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà C thuộc một phần thửa 182 và đất của bà C cũng không có giáp ranh với các nguyên đơn. Trước đây, khi được địa phương hòa giải bà C cũng đồng ý nhượng lại một phần diện tích đất (ngang 01m) đủ để các nguyên đơn đặt cống cấp, thoát nước nhưng các nguyên đơn không đồng ý mà muốn lấy không, vì đất của bà C cũng phải mua lại của người khác mới có được, nên hôm nay bà không đồng ý với yêu cầu các nguyên đơn.

Về bản trích đo địa chính của trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ bà C thống nhất.

Ngày 22/12/2020 Tòa án nhân dân huyện P thành lập hội đồng thẩm định hiện trạng thực tế đất tranh chấp. Kết quả Bản trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ phần đất các nguyên đơn tranh chấp thửa 182, diện tích 109,3m² do bà Đặng Phương C đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ số CH01812.

Tại bản án số 15/2021/DS - ST ngày 22/04/2021 Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Căn cứ Điều 252, 253 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thế Tr, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bị đơn Đặng Phương C phải khai thông đường cấp, thoát nước ngang 2,4m dài 50m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Bản án trên đã bị nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ trình bày: Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do UBND huyện P cấp cho bà Đặng Phương C; Buộc bà Đặng Phương C phải khôi phục lại đường thoát nước công cộng.

Bị đơn, bà Đặng Phương C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ vì bà Đ không có chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp là đất công cộng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm trong việc Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Chuẩn bị xét xử phúc thẩm

(Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm (Điều 294) của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Vụ án được xét xử ngày 22.4.2021, đến ngày 04.5.2021 bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo sửa án sơ thẩm theo hướng thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 242722 số vào sổ cấp GCN: CH01812 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Đặng Phương C, lý do cấp chồng hết cả nương thoát nước công cộng, buộc bà Phương C phải khôi phục lại đường thoát nước công cộng.

Về nội dung: Theo khởi kiện ngày 18/9/2020 của ông Tr, bà O, ông B, ông T, bà Đ (đơn ngày 22/10/2020), cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn yêu cầu bà Đặng Phương C khai thông đường nước công cộng có diện tích 109,3m² (ngang 2,4m dài 48,37m và 46,55m), đã có từ trước năm 1975 và Ủy ban xã G xác nhận là đường nước công cộng nên không thuộc quyền sử dụng đất của bà C.

Đường nước trên nhiều hộ sử dụng để lấy nước sinh hoạt và canh tác nông nghiệp. Từ trước đến nay các hộ vẫn sử dụng ổn định, tuy nhiên vào khoảng tháng 07/2020 bà C tự ý lấp nương nước, chặn dòng chảy dẫn đến nước sinh hoạt ùn ứ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh ruồi, muỗi và không có nước để canh tác nông nghiệp, ảnh hưởng đến rất nhiều hộ dân.

Ý kiến bị đơn Đặng Phương C:

Bà C cũng thừa nhận đường nước đã có từ trước năm 1975, tuy nhiên đường nước trên không phải là đường nước công cộng của nhà nước mà là sở hữu của bà C ½ nương, bà C có đất nằm ở phía ngoài không giáp với đất của các nguyên đơn. Ông H2, ông T, ông Tr, bà O và bà Đ có đất phía trong cách con lộ nông thôn cũng không giáp đất của bà C. Từ trước đến nay các hộ dân ở phía trên chỉ đi nhờ đường nước này để lấy nước sinh hoạt, tưới tiêu. Cách đây khoảng 05 năm thì bà C có mua lại đường đi của ông Hai A, bà Dung và được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp phần đất đã nhận chuyển nhượng. Thời gian gần đây do dự định cất nhà ở nên bà C có lấp ½ nương để cất nhà. Nay các nguyên đơn có yêu cầu khai thông

đường nước thì bà không đồng ý. Bà Đ kinh doanh nhà trọ nhưng để nước thải sinh hoạt xả trực tiếp xuống sông, gây ô nhiễm môi trường bốc mùi hôi mà nhà bà C lại kề bên đường nước này. Trước đây, khi được địa phương hòa giải bà C cũng đồng ý nhượng lại một phần diện tích đất (ngang 01m) đủ để các nguyên đơn đặt cống cấp, thoát nước nhưng các nguyên đơn không đồng ý mà muốn lấy không, vì đất của bà C cũng phải mua lại của người khác mới có được, nên hôm nay bà không đồng ý với yêu cầu các nguyên đơn.

Ngày 22/12/2020 Tòa án nhân dân huyện P thành lập hội đồng thẩm định hiện trạng thực tế đất tranh chấp. Kết quả Bản trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ phần đất các nguyên đơn tranh chấp thửa 182, diện tích 109,3m² do bà Đặng Phương C đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ số CH01812. Các nguyên đơn và bà C thống nhất với kết quả đo đạc này sử dụng để xét xử.

Các nguyên đơn cho rằng bà C phải dành lối cấp, thoát nước vì đây là lối duy nhất và điều cho rằng UBND xã Gia Xuân, huyện P đã xác nhận đường nước trên là đường nước công cộng (biên bản ngày 13/08/2020), đồng thời cho rằng Bản trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ khẳng định phần diện tích đất ngang 6,8m có 4,4m là của bà C còn đường nước công cộng là 2,4m.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2021; Công văn phúc đáp của Ủy ban nhân dân huyện P và lời khai của đại diện gia đình ông Nguyễn Văn Vĩnh (con ông Hai A), biên bản ngày 13/9/2020 của UBND xã G cho rằng: Nguồn gốc đất mà các nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà C trả lại hiện trạng ban đầu là đường cấp nước ngang 2,4m dài 50m thì nguồn gốc trên của hộ ông Hai A chuyển nhượng lại cho bà C và bà C được cấp giấy CNQSDĐ hợp pháp, đến nay không ai khiếu nại hay thắc mắc gì về QSDĐ của bà C. Tuy nhiên, bà Đ có ý kiến rằng quá trình nhận chuyển nhượng đất của bà C có khuất tất, không rõ ràng. UBND huyện P có công văn phúc đáp số 478 ngày 22/3/2021 khẳng định hồ sơ địa chính thể hiện phần diện tích đất tranh chấp 109,3m² không phải là đất công cộng.

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định hiện trạng thực tế, phần diện tích đất các nguyên đơn cách con lộ nông thôn và dưới có đặt cống để dòng chảy qua đất bà C, các loại đất của nguyên đơn thể hiện là đất LUA nhưng các nguyên đơn đã

chuyển mục đích sang trồng cây ăn trái, có đào mương để giữ nước tưới tiêu trong thời gian bị ngăn dòng chảy thì các nguyên đơn ông H2, ông Tr, bà O đặt máy bơm nước ở hộ cận ranh để có nước tưới tiêu. Đối với hộ bà Đ có diện tích đất giáp ranh tỉnh lộ 918, thì hiện trạng thực tế xây nhà trọ và làm hồ ga nước sinh hoạt cho nhiều phòng trọ...các đương sự đều cho rằng không có lối cấp, thoát nước thì lượng nước thải sinh hoạt bị ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Nếu không cấp nước, thoát nước qua đường nước cũ thì trên lộ nông thôn hướng trở vô có cầu qua lộ, có thể lấy nước từ Rạch lên nhưng phải đặt ống nước qua các hộ dân khác.

Tuy nhiên, các nguyên đơn luôn cho rằng đường nước trên là đường nước công cộng nên không ai chịu thỏa thuận với bị đơn để lắp đặt đường ống dẫn nước, trong đó có cả nước thải sinh hoạt... sẽ ảnh hưởng đến môi trường và thiệt hại đến quyền chủ sở hữu hợp pháp cho chủ sở hữu. Trước đây, bà C có đưa ra phương án là sẽ chia 01m đất và bà Lược một phần nữa nhưng các nguyên đơn không chịu, nên bà C đã cho lắp đặt trên phần mương trên.

Như vậy, phần đất tranh chấp do bị đơn đang quản lý và sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là hợp pháp.

Vì vậy, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của nguyên đơn đơn và căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, bà Đ có 02 yêu cầu kháng cáo cụ thể: Một là, yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Đặng Phương C; Hai là, buộc bà Đặng Phương C phải khôi phục lại đường thoát nước công cộng, vị trí và diện tích được thể hiện tại Bản trích đo địa chính số

03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ.

[1.1] Xét yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Đặng Phương C: Tại phiên tòa, bà Đ cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do UBND huyện P cấp cho bà Đặng Phương C là không đúng vì cấp chồng hết cả mương thoát nước công cộng, diện tích đất cấp chồng là 109.3m². Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Đ căn cứ vào lời thừa nhận của các bên là đường mương đã có và bà cũng đã sử dụng ổn định từ năm 1975. Ngoài ra Ủy ban nhân dân xã G, huyện P cũng xác nhận đường mương trên là đường thoát nước công cộng, thể hiện tại “Biên bản vắng mặt đương sự ngày 13/08/2020”, bút lục số 13. Tuy nhiên, Biên bản này thể hiện nội dung ghi nhận về việc đương sự vắng mặt, không có nội dung nào xác nhận phần đất tranh chấp là đường mương thoát nước công cộng. Ngoài ra, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Công văn số 478/UBND – TNMT ngày 22/3/2021 xác nhận : *“1. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01812 ngày 07/12/2012 cho bà Đặng Phương C là đúng quy định pháp luật; 2. Hồ sơ địa chính thể hiện: phần diện tích 109,3m² không phải đất công cộng”*. Như vậy, bà Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh đất tranh chấp là đất công cộng cũng như Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Phương C chồng lên đất công cộng. Mặt khác, theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết *“buộc bà Đặng Phương C khai thông đường nước trả lại hiện trạng bình thường”*, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Đ không có bổ sung hay thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nay bà Đ kháng cáo yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do UBND huyện P cấp ngày 07/12/2012 cho bà Đặng Phương C là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bà Đ về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Đối với yêu cầu buộc bà Đặng Phương C phải khôi phục lại đường thoát nước công cộng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện bà Đ tranh chấp với bà C về quyền sử dụng lối cấp thoát nước, không phải yêu cầu mở lối cấp, thoát nước nên trong phạm vi xét xử của vụ án này chỉ xem xét đường

mương cấp, thoát nước thuộc quyền sử dụng của ai. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM242722, số vào sổ cấp GCN: CH01812, do UBND huyện P cấp ngày 07/12/2012 cho bà Đặng Phương C; Công văn 478/UBND – TNMT ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ và Bản trích đo địa chính số 03/TTKTTNMT ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ thì thửa đất 182¹ (đường mương cấp, thoát nước) các bên tranh chấp nằm trong phần đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Phương C nên thuộc quyền sử dụng của bà C vì vậy bà C san lấp, cải tạo đất để phù hợp với mục đích, nhu cầu sử dụng đất của mình là không trái với quy định của pháp luật. Do đó, bà Đ yêu cầu bà C phải khôi phục lại đường thoát nước là không có căn cứ. Theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật dân sự năm 2015 “việc thực hiện quyền đối với bất động sản liên kề theo thỏa thuận của các bên”. Như vậy, nếu bà Đ và các nguyên đơn có nhu cầu mở lối cấp, thoát nước qua đất bà C thì các bên phải có sự thỏa thuận với nhau. Quá trình hòa giải tại cơ sở, bà C cũng đồng ý chuyển nhượng một phần đất ngang 01m để bà Đ và các nguyên đơn khác làm lối cấp, thoát nước nhưng bà Đ và các nguyên đơn không đồng ý, chỉ muốn sử dụng mà không phải trả tiền. Tại phiên tòa, bà C không đồng ý thỏa thuận chuyển nhượng đất cho bà Đ và các nguyên đơn khác. Bà Đ luôn xác định phần đất tranh chấp là đường mương thoát nước công cộng không thuộc quyền sử dụng của bà C nên yêu cầu bà C phải có trách nhiệm khôi phục lại hiện trạng đường nước đồng thời bà cũng không đồng ý thỏa thuận chuyển nhượng đất với bà C.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bà Đ về việc buộc bà C khôi phục lại đường nước là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Trường hợp bà Đ và các nguyên đơn khác có yêu cầu mở lối cấp thoát nước qua bất động sản liên kề đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của bà C phải có sự thỏa thuận giữa hai bên hoặc được giải quyết thành một vụ kiện khác khi các đương sự không thỏa thuận được.

Đối với những nguyên đơn khác Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thế Tr do không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét

Bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là có cơ sở, đúng luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của bà Đ không được chấp nhận, do đó căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng. Bà Đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 018024 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2021/DS - ST ngày 22/4/2021 Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

2.1 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thê Tr, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Thị O về việc yêu cầu bị đơn Đặng Phương C phải khai thông đường cấp, thoát nước ngang 2,4m dài 50m.

2.3 Chi phí thẩm định, định giá các nguyên đơn phải chịu 5.000.000đ. Do bà Đ đã tạm ứng nên các nguyên đơn Tr, H2 và O mỗi người phải hoàn trả lại cho bà Đ là 1.250.000đ.

2.4 Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn Tr, O và Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/017721; AA/2019/017719; AA/2019/017720 thành tiền án phí. Ông Nguyễn Văn H2 được nhận tại tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/017723 ngày 03/11/2020; Ông Nguyễn Văn T được nhận tại tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/017722 ngày 03/11/2020.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000đồng. Bà Đ được chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/018024 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan

